*Tuần 7*

*Thứ 2 ngày 21 tháng 10 năm 2024*

Tiết 1:

HĐTN

**SINH HOẠT DƯỚI CỜ : RÈN NỀ NẾP SINH HOẠT**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

1. Năng lực đặc thù:

+ Năng lực hiểu biết về bản thân và môi trường sống:

– Biết được nội dung phong trào rèn nề nếp trong học tập và sinh hoạt.

- Vui vẻ tham gia phong trào rèn nề nếp trong học tập và sinh hoạt

-Biết thực hiện luật an toàn giao thông và các nội quy của lớp, của trường và ở nhà.

2. Phẩm chất:

- Phẩm chất yêu nước: Đứng nghiêm trang chào cờ và hát quốc ca..

- Phẩm chất trách nhiệm. Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ quan sát, chú ý theo dõi, thực hiện đúng yêu cầu của giáo viên.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

- Ghế, mũ cho HS khi sinh hoạt dưới cờ.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG TIẾN HÀNH:**

- Nhà trường tổ chức lễ sinh hoạt dưới cờ đầu 6:

+ Ổn định tổ chức.

+ Chỉnh đốn trang phục, đội ngũ

+ Đứng nghiêm trang

+ Thực hiện nghi lễ chào cờ, hát Quốc ca

+ Tuyên bố lí do, giới thiệu thành phần dự lễ chào cờ chương trình của tiết chào cờ.

+ Nhận xét và phát động các phong trào thi đua của trường.

- GV giới thiệu và nhấn mạnh cho HS lớp 1 và toàn trường về tiết chào cờ đầu tuần:

+ Thời gian của tiết chào cờ : là hoạt động sinh hoạt tập thể được thực hiện thường xuyên vào đầu tuần.

+ Ý nghĩa của tiết chào cờ : giáo dục tình yêu tổ quốc, củng cố và nâng cao kiến thức, rèn luyện kĩ năng sống, gắn bó với trường lớp, phát huy những gương sáng trong học tập và rèn luyện, nâng cao tinh thần hiếu học, tính tích cực hoạt động của học sinh.

+ Một số hoạt động của tiết chào cờ:

\* Thực hiện nghi lễ chào cờ

\* Nhận xét thi đua của các lớp trong tuần

\* Tổ chức một số hoạt động trải nghiệm cho học sinh.

\* Góp phần giáo dục một số nội dung : An toàn giao thông, bảo vệ môi trường, kĩ năng sống, giá trị sống.

(2. Gợi ý cách tiến hành:

Nhà trường/GV Tổng phụ trách Đội/Liên đội trưởng phát động phong trào “Rèn nề nếp” trong học tập và sinh hoạt đối với HS trong toàn trường. Nội dung cơ bản tập trung vào:

- Xây dựng nền nếp trong các hoạt động học trên lớp.

- Xây dựng nền nếp trong các hoạt động học ở nhà.

- Xây dựng nền nếp trong các hoạt động giáo dục khác.

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**

…………………………………………………………………………………………

**\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**

**Tiết 2,3.**

**Tiếng Việt**

**V Y**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

+ Năng lực ngôn ngữ:

- Nhận biết âm và chữ cái v, y; đánh vần đúng, đọc đúng tiếng có v, y.

- Nối đúng từ ngữ (có âm v, âm y) với hình.

- Đọc đúng, hiểu bài Tập đọc *Dì Tư.*

+ Năng lực văn học:

- Hiểu nội dung bài tập đọc Dì Tư và biết được bài đọc có những nhân vật dì Tư, Hà.

*2*. Phẩm chất:

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm. Giữ trật tự, biết lắng nghe, hoàn thành nhiệm vụ học tập.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ quan sát,tích cực hăng say phát biểu.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

- Tivi, máy tính, học liệu điện tử.

- Bảng cài, bộ chữ cái, chữ hoa

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của HS |
| **TIẾT 1**  **1.Mở đầu:**  - Hát và vận động theo bài hát “Mái trường em học bao điều hay”.  - Nhận xét, tuyên dương.  - Giới thiệu bài và ghi bảng:  + Âm và chữ cái v (vờ), y.  + GV chỉ từng chữ, phát âm, HS (cá nhân, cả lớp) nhắc lại.  + GV giới thiệu chữ V, Y in hoa.  **2.Hình thành kiến thức mới:**  *2.1. Âm v, chữ v:*  - Gv giới thiệu hình con ve.  - Yêu cầu HS phân tích, đánh vần và đọc tiếng ve  *2.2 Âm y, chữ y:*  - Gv giới thiệu hình cô y tá.  - Yêu cầu HS phân tích, đánh vần và đọc tiếng tá  \*Củng cố: HS nói 2 chữ vừa học: v, y; 2 tiếng mới: ve, y tá. Đánh vần, đọc trơn. HS gắn lên bảng cài: v, y.  **3. Luyện tập:**  *3.1. Mở rộng vốn từ (BT 2: Tìm từ ngữ ứng với mỗi hình)*  - GV nêu yêu cầu BT  - Yêu cầu HS đọc từng từ ngữ. / HS nối từ ngữ với hình trong VBT.  - GV chỉ hình, cả lớp nhắc lại.  - Yêu cầu HS tìm tiếng ngoài bài  *3.2. Tập đọc (BT 3)*  - GV chỉ hình, giới thiệu: Bài đọc kể về dì Tư của bạn Hà. Các em nghe bài để biết về dì Tư: Dì làm nghề gì, dì đến nhà Hà, chỉ cho Hà làm gì?  - GV đọc mẫu.  - HD HS Luyện đọc từ ngữ: dì Tư, y tá, trưa qua, y tế xã, khi về, ghé, vẽ lá, vẽ ve.  **TIẾT 2**  - Luyện đọc câu  + Bài có mấy câu? (GV chỉ từng câu cho).  + (Đọc vỡ từng câu): GV chỉ từng câu cho 1 HS đọc, cả lớp đọc 1.  - Đọc tiếp nối từng câu (Thi đọc đoạn, bài. (Bài chia 2 đoạn - mỗi đoạn 3 câu). Quy trình đã hướng dẫn.  - Tìm hiểu bài đọc  - GV gắn lên bảng nội dung BT; chỉ từng từ ngữ cho HS đọc.  - HS làm bài, báo cáo kết quả,  - GV ghi lại kết quả nối ghép  - Yêu cầu Cả lớp đọc: a - 2) Dì Tư chỉ cho Hà vẽ. b - 1) Hà vẽ lá, vẽ ve, vẽ bé Lê.  *3,3. Tập viết (bảng con)*  - HS nhìn bảng đọc các chữ, tiếng vừa học  - GV vừa viết mẫu vừa hướng dẫn.  - HS viết: V, y (2 - 3 lần). Sau đó viết: ve, y (tá).  - Báo cáo kết quả: HS giơ bảng  - GV cùng HS nhận xét  **4. Vận dụng:**  - GV nhận xét tiết học, khen ngợi biểu dương HS  - Về nhà em hãy tìm thêm các tiếng có âm v và âm y nhé. | - HS hát.  - Nêu ý nghĩa câu chuyện.  - Lắng nghe.  - Hs nhắc lại bài(cá nhân, cả lớp)  -HS nói: Nhận biết:  - Phân tích tiếng  - Đánh vần và đọc tiếng:  - HS nói:  -Đánh vần và đọc từ:  - Hs thực hiện  - 1 HS nói kết quả:  - Cả lớp nhắc lại.  - HS nói thêm 3-4 tiếng ngoài bài .  -HS lắng nghe  -HS luyện đọc từ ngữ  - HS đếm rồi trả lời  - Hs đọc (cá nhân, từng cặp).  - Hs đọc:  - HS đọc các chữ, tiếng vừa học: y tá  - Hs theo dõi, quan sát  -HS viết ở bảng con  -HS nhận xét  -HS lắng nghe và thực hiện. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**

…………………………………………………………………………………………..

**\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**

Chiều:

Tiết 1.

Toán

**PHÉP CỘNG TRONG PHẠM VI 6 (tiếp theo)**

**I.YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

1.Kiến thức, kĩ năng:

- Tìm được kết quả các phép cộng trong phạm vi 6 và thành lập *Bảng cộng trong phạm vi* 6.

- Vận dụng được kiến thức, kĩ năng về phép cộng trong phạm vi 6 đã học vào giải quyết một số tình huống gắn với thực tế.

2. Năng lực:

- Năng lực mô hình hóa toán học. Học sinh quan sát hình vẽ để viết phép tính cộng trong phạm vi 6 .

-Năng lực sử dụng công cụ, phương tiện học toán: Hoc sinh sử dụng que tinh,các chấm tròn, các thẻ số, các thẻ dấu (+, =), để viết phép tính và tính kết quả của phép cộng.

-Năng lực giao tiếp toán học:Học sinh đặt câu hỏi cho nhau và nói cho nhau về tình huống trong bức tranh và phép tính tương ứng trong thực tiễn.

-Năng lực giải quyết vấn đề: Viết được phép tính cộng trong phạm vi 6 đúng  và tính được kết quả qua các tình huống  thực tiễn.

3. Phẩm chất:

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm. Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ quan sát, suy nghĩ trả lời, rèn tính cẩn thận, kiên nhẫn cho HS

**II.ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

- Các que tính, các chấm tròn, các thẻ phép tính.

- Một số tình huống đơn giản dẫn tới phép cộng trong phạm vi 6.

**III**.**CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **1. Mở đầu.**  - Chơi trò chơi “Đố bạn” để tìm kết quả của các phép cộng trong phạm vi 6 đã học.  - GV nhận xét và giới thiệu bài  **3. Thực hành, luyện tập**  Bài 2. Cho HS tự làm.  - GV chốt lại cách làm bài.  Bài 3  - Cho HS quan sát tranh, suy nghĩ về tình huống theo bức tranh rồi đọc phép tính tương ứng. *Ví dụ* câu a): Bên trái có 3 chú mèo. Bên phải có 2 chú mèo. Có tất cả bao nhiêu chú mèo? Phép tính tương ứng là: 3 + 2 = 5.  **3. Vận dụng.**  - Bài học hôm nay, em biết thêm được điều gì?  - Về nhà, em hãy tìm tình huống thực tế liên quan đến phép cộng trong phạm vi 6 để hôm sau chia sẻ với các bạn. | - 1 HS đố – HS khác trả lời  -HS bài CN ở vở BT  - HS quan sát tranh, suy nghĩ và tập kể cho bạn nghe tình huống trong tranh rồi đọc phép tính tương ứng.  - Chia sẻ trước lớp.  **-** HS nghĩ ra một số tình huống trong thực tế liên quan đến phép cộng trong phạm vi 6. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:** Bài tập 3 Gv cho HS thảo luận nhóm đôi.

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

Tiết 2.

STEM:

**TRẢI NGHIỆM CÙNG KHAY 10 TOÁN HỌC**.( TIẾT 1)

**I.YÊU CẦU CẦN ĐẠT (CỦA MÔN HỌC):**

+ Môn Toán: Đếm và viết được số hình tròn trong mỗi khay. Xếp đủ số hình tròn vào mỗi khay theo yêu cầu.

+ Môn Mĩ thuật:

-Hiểu được một số thao tác, công đoạn cơ bản để làm nên sản phẩm

-Phối hợp được một số kĩ năng: gấp, vẽ,... trong thực hành, sáng tạo.

-Trưng bày, giới thiệu được sản phẩm, chia sẻ mục đích sử dụng.

**I.YÊU CẦU CẦN ĐẠT ( CỦA BÀI HỌC)**

- Đếm và viết được số trong phạm vi 10.

- Thực hành sử dụng các vật liệu đơn giản để làm “Khay 10 học toán”.

- Sử dụng “Khay 10 học toán” để đếm nhanh số lượng hình.

- Tự tin trình bày ý kiến khi thảo luận đề xuất ý tưởng và trưng bày, giới thiệu sản phẩm của nhóm mình trước lớp.

- Hợp tác với các bạn để tạo sản phẩm và điều chỉnh, hoàn thiện sản phẩm của nhóm.

- Có cơ hội hình thành và phát triển năng lực giải quyết vấn đề sáng tạo, năng lực sử dụng công cụ và phương tiện học toán.

**II.ĐỒ DÙNG:**

-Giấy trắng hoặc bìa màu hoặc bìa carton cỡ A4

-Bút màu, băng giấy màu, hồ dán, kéo

**III.HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động GV** | **Hoạt động HS** |
| **1.Mở đầu.**  - Hoạt động 1. Chơi trò chơi “Ai nhanh – Ai đúng”  - GV chiếu video bài hát “bé tập đếm” và mời HS cùng hát, vận động theo clip.  - GV hỏi: Trong bài hát vừa rồi, 4 là số lượng của con vật nào?  - GV kết nối và mời HS chơi trò chơi: “Ai nhanh – ai đúng”.  - Cô giới thiệu với cả lớp cách chơi: Quản trò yêu cầu người chơi lấy số lượng đồ dùng bất kì trong bộ đồ dùng học tập. Người chơi lấy số lượng theo đúng yêu cầu. Ví dụ: Quản trò hô “Tôi cần 2 tam giác!”, các em lấy 2 tam giác trong bộ đồ dùng đặt lên bàn.  - GV mời HS lên làm quản trò cho cả lớp chơi.  - GV đề nghị hai HS ngồi cạnh nhau kiểm tra các lần lấy của nhau xem có đúng không:  + Cô mời hai bạn ngồi cùng bàn kiểm tra xem chúng ta có lấy số đồ dùng giống nhau không nhé. - GV hỏi: Khi kiểm tra số số dùng các lần, con làm thế nào?  - GV: Trò chơi này được nhiều bạn nhỏ rất thích. Các bạn HS trong sách Bài học STEM cũng chơi như chúng ta đấy. Chúng ta cùng quan sát bức tranh trang 6, sách Bài học STEM và cho cô biết, các bạn dùng những gì để chơi trò chơi?  - GV: Hình màu trắng, có 10 ô đó cô gọi là khay 10 học Toán. Khay 10 giúp chúng ta điều gì trong học Toán? Các con có thích làm một chiếc khay như vậy không? Chúng ta cùng thực hiện tiếp hoạt động 2 để hiểu hơn về bài và sau đó sẽ đi làm khay 10 nhé    **2.Hình thành kiến thức mới.**  Hoạt động 2: Thực hành nhận biết số trong phạm vi 10  a) Số?  \* Thực hiện bài tập  - GV yêu cầu HS mở sách Bài học STEM 1, trang 7.  - GV hỏi: Bài 2 yêu cầu chúng ta làm gì?  - GV hỏi: Cô mời một bạn nêu cách thực hiện phần a?  - GV khẳng định lại cách làm: Đếm số hình và điền số vào ô vuông. Sau đó, mời cả lớp làm bài.  - GV yêu cầu 2 HS ngồi cạnh nhau kiểm tra và chữa bài cho nhau.  - GV chữa bài trước lớp.  Mỗi lần chiếu đến hình nào thì hỏi. “Có mấy hình tròn?”  - GV cùng có thể sử dụng hình nam châm, gắn lên bảng để chữa từng ý.  - Trong quá trình chữa bài, GV hỏi HS để phân tích từng ý. Ví dụ:  + Vì sao con điền số 8 vào khay số 5.  + Làm thế nào để biết khay đó có 8 hình tròn?                \* Tìm hiểu khay 10  - GV hỏi:  + Quan sát các hình vừa làm, con thấy khay 10 có hình gì?  + Khay 10 có mấy hàng, mỗi hàng có mấy ô?  + Các ô như thế nào với nhau?  - GV khẳng định: Khay 10 là 1 khung hình chữ nhật được chia thành 10 ô có khoảng cách bằng nhau. Khay 10 có 2 hàng, mỗi hàng có 5 ô.  b) Xếp thêm cho đủ số hình tròn  - GV: Mời một bạn đọc cho cô yêu cầu của phần b?  - GV: Các con đã biết cấu tạo của khay 10. Hãy dựa vào cấu tạo của Khay 10 để xếp hình cho đúng và nhanh.  - Trong quá trình HS chữa bài, GV có thể nêu câu hỏi để HS phân tích. Ví dụ:  + Con đã xếp thêm mấy hình tròn để được 5 hình tròn?  + Con đã xếp thêm mấy hình tròn để được 10 hình tròn?  + Con đã xếp thêm mấy hình tròn để được 7 hình tròn?  - GV giảng: Dựa vào khay 10 ta có thể dễ dàng biết cấu tạo của 1 số. VD: 5 gồm có 2 và 3.  - GV: Hãy dựa vào khay 10 nêu cho cô cấu tạo của số 10? Số 7?  (GV có thể yêu cầu nêu số khác)    - GV khen ngợi HS thực hiện bài tốt, động viên các em luôn cố gắng học tập. | - HS hát và vận động theo.      - HS trả lời (con bướm).        - HS lắng nghe cách chơi.            - HS cả lớp chơi theo quản trò. Lấy đúng số lượng đồ dùng quản trò yêu cầu và xếp ra bàn theo thứ tự các lần. (khoảng 5 lần)      - HS kiểm tra lẫn nhau và báo kết quả.      - HS trả lời theo suy nghĩ.    + Các bạn cũng dùng bộ đồ dùng học Toán.  + Các bạn có thêm đồ dùng để xếp các hình trò.  +…                      - HS thực hiện mở sách.  - HS trả lời theo suy nghĩ (Có mấy số? Số mấy? ...)    - HS trả lời theo suy nghĩ. (Đếm số hình tròn trong mỗi hình và viết số)  - HS làm bài cá nhân.  - HS làm việc theo cặp.  - HS trả lời lần lượt từng ý theo điều hành của cô.  khay 1 có: 7 hình tròn  khay 2 có: 5 hình tròn  khay 3có: 6 hình tròn  khay 4 có: 4 hình tròn  khay 5 có: 8 hình tròn  khay 6 có: 10 hình tròn  - HS trả lời.  + Vì khay đó có 8 hình tròn  + Con đếm từ 1 đến hết thấy có 8 hình tròn.  + Con thấy hàng ngang trên có 5 hình tròn.  + Hàng ngang dưới có 3 hình tròn, tất cả có 8 hình tròn.  + Con thấy hàng ngang trên có 5 hình tròn, hàng ngang dưới có 3 hình tròn. 5 hình tròn và 3 hình tròn tất cả là 8 hình tròn.    - HS: Hình chữ nhật.    - HS: 2 hàng, mỗi hàng có 5 ô.      - HS: các ô bằng nhau.          - HS: Xếp thêm cho đủ số hình tròn.    - HS xếp thêm hình; chữa bài trong nhóm; chữa trước lớp.        - HS: Có 2 hình tròn, con xếp thêm 3 hình tròn để được 5 hình tròn.  - HS: Có 5 hình tròn, con xếp thêm 5 hình tròn để được 10 hình tròn.  - HS: Có 1 hình tròn, con xếp thêm 6 hình tròn để được 7 hình tròn.    HS nêu. Nối tiếp nhau.    - HS trả lời theo suy nghĩ. (Con điếm ạ). |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**

………………………………………………………………………………

*\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_*

*Thứ 3 ngày 22 tháng 10 năm 2024*

Tiết 1,2.

**Tiếng Việt**

**CHỮ HOA**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

1. Năng lực ngôn ngữ :

- Nhận biết chữ in hoa trong câu; bước đầu làm quen với chữ viết hoa.

- Nhận ra và đọc được các chữ in hoa trong câu ứng dụng; ghi nhớ quy tắc viết hoa chữ đầu bài, đầu câu, tên riêng.

- Đọc đúng, hiểu bài Tập đọc *Chia quà.* Tìm được trong bài chữ hoa đứng đầu bài, đầu câu, chữ hoa ghi tên riêng.

2. Phẩm chất:

- Phẩm chất nhân ái: Qua bài tập đọc cho ta thấy con cái là những món quà quý nhất của bố mẹ. Bố mẹ rất yêu thương con cái.

- Phẩm chất trách nhiệm. Giữ trật tự, biết lắng nghe, hoàn thành nhiệm vụ học tập.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ quan sát,tích cực hăng say phát biểu.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY - HỌC:**

- Bảng nhỏ viết 2 điều cần ghi nhớ về quy tắc viết hoa.

- Bảng chữ thường - chữ hoa phóng to (nếu có).

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của HS |
| **1. Mở đầu:**  - Trò chơi: Dùng tay  - Nhận xét, tuyên dương.  - Giới thiệu bài: Kết thúc bài 34, các em đã học xong các âm và chữ tiếng Việt. Bài Chữ hoa sẽ giúp các em làm quen với chữ hoa (chữ in hoa và chữ viết hoa), nắm được quy tắc viết hoa.  **2.Hình thành kiến thức mới:**  - GV viết lên bảng câu “Dì Tư là y tá.”, cả lớp đọc. GV giải thích: Đây là 1 câu văn, cuối câu có dấu chấm.  - GV nêu YC: Phát hiện những chữ được viết hoa trong câu.    - GV: Vì sao chữ D trong tiếng Dì viết hoa?    - GV: Vì sao chữ T trong tiếng Tư viết hoa?.  - GV mời 3 - 4 HS nói tên mình, đầy đủ họ, tên; nhắc HS: Khi viết tên riêng của mình, của mọi người, các em cần viết hoa. Viết hoa tên riêng, viết hoa cả họ và tên đệm. Không viết hoa tên riêng là viết sai chính tả.  ***\* Ghi nhớ (BT 2):***  - GV gắn lên bảng quy tắc viết hoa; đọc quy tắc cho HS (cá nhân, tổ, cả lớp) nhắc lại.  - Dặn HS ghi nhớ 2 quy tắc vừa học để viết hoa đúng chính tả.  **3, Luyện tập:**  *3.1. Tập đọc (BT 3)*  - GV đưa lên bảng lớp hình minh hoạ bài *Chia quà;* giới thiệu: Trong hình là gia đình Hà: có bà, có ba má, có Hà và bé Lê. Má đang chia quà cho cả nhà. Bài Tập đọc sẽ cho các em biết má của Hà chia quà thế nào? Quà dành cho má là thứ quà đặc biệt quý. Đó là quà gì? Bài đọc cũng giúp các em luyện tập, củng cố những điều vừa học về quy tắc viết hoa.  - GV đọc mẫu.  - Luyện đọc từ ngữ (cá nhân, cả lớp): **chia quà, thị xã, cả nhà, mía, sữa, quà quý.**  - Luyện đọc câu  - GV: Bài có mấy câu?  - Đọc vỡ từng câu: GV chỉ từng câu cho 1 HS đọc, cả lớp đọc.  - Đọc tiếp nối từng câu (cá nhân, từng cặp).  - Thi đọc tiếp nối 2 đoạn (6 câu / 2 câu); thi đọc cả bài.  \*Tìm hiểu bài đọc  - GV: Đi thị xã về, má chia quà cho cả nhà. Má không chia quà cho má vì má đã có quà quý. Quà quý đó là gì?  - GV: Hai đứa con là quà quý của má. Con cái luôn là món quà quý giá nhất của cha mẹ.  *2.2 Tìm trong bài đọc những chữ hoa (BT 4)*  - Cho cả lớp nhắc lại quy tắc chính tả viết hoa.  - GV nêu YC; từng cặp HS đọc bài trong SGK, tìm chữ hoa bắt đầu từ tên bài.  **-**Yêu cầu HS nói lại những chữ hoa đứng đầu bài, đầu câu  - Yêu cầu HS nói lại những chữ hoa ghi tên riêng trong bài.  *2.3 Giới thiệu bảng chữ in thường - in hoa, viết thường - viết hoa*  - GV chỉ *Bảng chữ thường, chữ hoa* (trên bảng lớp); giới thiệu các kiểu chữ (in thường - in hoa, viết thường - viết hoa); giải thích: chữ viết là chữ viết bằng tay.  - GV chỉ từng chữ in thường, in hoa. Cả lớp đọc.  - GV chỉ từng chữ viết thường, viết hoa. Cả lớp đọc.  - GV mời 1 HS lên bảng; đọc cho HS chỉ: chữ nào là chữ in thường, chữ nào là chữ in hoa.  - GV mời 1 HS khác, đọc cho HS chỉ: chữ nào là chữ viết thường, chữ nào viết hoa.  - GV chỉ câu *Dì Tư là y tá,* hỏi đó là kiểu chữ gì?  - GV chỉ từng chữ trên *Bảng chữ thường, chữ hoa,* cả lớp phát hiện đó là chữ in hay chữ thường, chữ viết hoa hay chữ viết thường.  - GV: Chữ hoa nào gần giống chữ thường nhưng kích thước lớn hơn  - GV: Chữ hoa nào không giống chữ thường và kích thước lớn hơn?  -GV kết luận.  - Đó là chữ **viết hoa -** không giống chữ **viết thường** và kích thước chữ **viết hoa** lớn hơn  **3. Vận dụng:**  -1 HS nhắc lại quy tắc viết hoa.  -GV nhận xét tiết học. Dặn HS về nhà đọc lại bài Tập đọc cho người thân nghe; quan sát kĩ bảng mẫu chữ hoa trong trường tiểu học cho người thân nghe. | - Cả lớp tham gia trò chơi.  - Lắng nghe.  - Hs chú ý theo dõi  - Hs đọc:  - HS trả lời.  - Vì Dì đứng đầu câu. HS (cá nhân, cả lớp) nhắc lại.  - HS giải thích  - Hs nói tên mình  - HS lắng nghe  -HS (cá nhân, tổ, cả lớp) nhắc lại.  - Hs đọc quy tắc.  -Hs lắng nghe  - HS luyện đọc CN  -HS đếm và trả lời.  - HS luyện đọc nối tiếp câu cá nhân,cặp đôi  -Đọc trong nhóm đôi  - HS thi đọc bài  - HS trả lời  - Hs nhắc lại quy tắc  - Các cặp HS cùng-làm việc sẽ cùng báo cáo kết quả.  -HS nói.  - 4 cặp (8 HS) tiếp nối nhau báo cáo kết quả (mỗi em nói 1 câu)  -HS lắng nghe  - HS chỉ và đọc  - Hs trả lời.  - HS thực hiện  - Hs trả lời.  - Hs trả lời.  - HS nhắc lại.  - Lắng nghe và thực hiện.  - Lắng nghe và thực hiện. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**

.....................................................................................................................................

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

**Tiết 2.**

HĐTN

**TỰ CHĂM SÓC BẢN THÂN**

**I. YÊU CÂÌU CÂÌN ÐẠT :**

1. Năng lực đặc thù:

+ Năng lực hiểu biết về bản thân và môi trường sống:

- Hình thành một số thói quen tự phục vụ, chăm sóc bản thân phù hợp với lứa tuổi như: tự vệ sinh cá nhân, tự phục vụ bản thân, chăm sóc cơ thể.

**-** Có năng lực tự phục vụ cho bản thân thể hiện qua vệ sinh cá nhân, sắp xếp đồ dùng học tập ngăn nắp gọn gàng.

2. Phẩm chất:

- Phẩm chất chăm chỉ: ***-*** Có ý thức trong mọi công việc của mình và của người xung quanh.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY – HỌC.**

- Tranh ảnh minh hoạ cho bài học.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của gv** | **Hoạt động của hs** |
| **1.Mở đầu:**  - GV cho HS hát bài “10 ngón tay thơm”  -Gv đưa ra câu hỏi trong bài hát để giới thiệu bài học.  **2.Hình thành kiến thức mới:**  Hoạt động 1. Liên hệ và chia sẻ.  - Chia lớp thành cặp đôi  - GV yêu cầu HS thảo luận cặp đôi theo các câu hỏi:  + Hằng ngày, bạn đã làm gì để chăm sóc bản thân?  + Bạn làm những việc đó vào lúc nào?  + Bạn cảm thấy như thế nào khi tự mình làm những công việc đó?  - Y/C HS cử đại diện trình bày trước lớp.  - GV và HS cùng nhận xét.  **3. Luyện tập:**  ***\* Cách tiến hành:***  Bước 1. Hoạt động chung cả lớp:  - GV nêu yêu cầu:  + Quan sát lại trang phục của em.  + Chỉnh sửa lại đầu tóc, trang phục (quần áo, giày dép) gọn gàng.  - GV theo dõi, giúp đỡ HS  Bước 2. Hoạt động cặp đôi:  - Từng cá nhân HS thực hành chỉnh sửa *quần áo, giày dép,* đầu tóc gọn gàng, sạch sẽ.  - Y/C HS trong nhóm quan sát, sửa trang phục đầu tóc cho nhau.  Bước 3. Chia sẻ trước lớp*:*  - GV mời số bạn chia sẻ trước lớp về hoạt động tự thực hành của bản thân.  - GV và HS cùng hỏi đáp về những lưu ý khi chuẩn bị trang phục và vệ sinh cá nhân.  \* Kết luận:  Các em cần lựa chọn, chuẩn bị trang phục gọn gàng, sạch sẽ và phù hợp với thời tiết. Tự chăm sóc bản thân giúp em tự tin và chủ động hơn.  **4. Vận dụng:**  - Về nhà các em vệ sinh cá nhân và làm những công việc vừa sức của mình như: quét nhà, xếp quần áo,… | - Hát  - HS thảo luận cặp đôi, trả lời câu hỏi.  + HS đưa ra các việc làm thể hiện sự chăm sóc bản thân:  + HS đưa ra khung thời gian thực hiện việc chăm sóc bản thân của mình.  + HS nêu cảm xúc của mình.  - 2 đến 3 cặp HS trình bày trước lớp.  - HS nhận xét nhóm bạn.  - Hoạt động chung cả lớp:  - HS thực hiện  - Hoạt động cặp đôi:  - Lần lượt HS lên chia sẻ trước lớp về hoạt động tự thực hành của bản thân.  - HS theo dõi  - Lắng nghe và thực hiện. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**

*............................................................................................................................*

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

Chiều:

Tiếng Việt

Tiết 2.

**TẬP VIẾT**: **V Y**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

1.Năng lực ngôn ngữ:

- Tô, viết đúng các chữ **v, y,** các tiếng **ve, y tá, chia quà -** chữ thường, cỡ vừa, đúng kiểu, đều nét, dãn đúng khoảng cách giữa các con chữ.

-Biết ngồi đúng tư thế, cầm bút đúng, viết chữ đẹp và trình bày sạch sẽ.

*2*. Phẩm chất:

- Phẩm chất trách nhiệm. Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc, hoàn thành bài tập được giao.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ quan sát, suy nghĩ trả lời, chú ý viết cẩn thận, trình bày sạch sẽ.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY – HỌC:**

- Mẫu chữ v, y viết thường.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của HS |
| **1. Mở đầu:**  - Cho lớp hát bài “Vui đến trường..”  - Nhận xét, tuyên dương và dẫn dắt vào bài học.  - Giới thiệu bài.  **2. Luyện tập:**  a) Yêu cầu HS đọc trên bảng các chữ, tiếng cần luyện viết.  b) Tập tô, tập viết: v, ve, y, y tá.  - GV vừa viết mẫu từng chữ, tiếng, vừa hướng dẫn quy trình viết.  -Yêu cầu HS tập tô, viết: v, ve, y, y tá trong vở Luyện viết 1, tập một.  c)Tập tô, tập viết: ch, qu, chia quà (như mục b)  - GV vừa viết mẫu, vừa hướng dẫn.  - Yêu cầu HS tập tô, viết: ch, qu, chia quà.  **3. Vận dụng:**  -GV nhận xét tiết học.  -Nhắc HS chưa hoàn thành bài viết về nhà tiếp tục luyện viết. | -HS hát.  - Lắng nghe.  -Đọc:  - Hs theo dõi, quan sát.  - Hs tô, viết vào vở  - HS quan sát, theo dõi.  - Hs tô, viết vào vở  -HS lắng nghe và thực hiện. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**

………………………………………………………………………………………

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

Tiết 3.

Toán

**PHÉP CỘNG TRONG PHẠM VI 6 ( TIẾT 3)**

**I.YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

1. Kiến thức, kĩ năng

Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

- Tìm được kết quả các phép cộng trong phạm vi 6 và thành lập Bảng cộng trong phạm vi 6.

2. Năng lực:

- Năng lực mô hình hóa toán học. Học sinh quan sát hình vẽ để viết phép tính cộng trong phạm vi 6 .

-Năng lực sử dụng công cụ, phương tiện học toán: Hoc sinh sử dụng que tinh,các chấm tròn, các thẻ số, các thẻ dấu (+, =), để viết phép tính và tính kết qua của phép cộng.

-Năng lực giao tiếp toán học:Học sinh đặt câu hỏi cho nhau và nói cho nhau về tình huống trong bức tranh và phép tính tương ứng trong thực tiễn.

-Năng lực giải quyết vấn đề: Viết được phép tính cộng trong phạm vi 6 đúng  và tính được kết quả qua các tình huống  thực tiễn.

3. Phẩm chất:

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm. Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ quan sát, suy nghĩ trả lời, rèn tính cẩn thận, kiên nhẫn cho HS

**II.ĐỒ DÙNG DẠY – HỌC :**

- Các que tính, các chấm tròn, các thẻ số, các thẻ dấu (+, =), thanh gài phép tính.

- Một số tình huống đơn giản dẫn tới phép cộng (với nghĩa gộp).

**III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của gv** | **Hoạt động của hs** |
| **1. Mở đầu:**  - Trò chơi: Đố bạn  - Luật chơi: Quản trò nêu một số phép tính của phép cộng trong phạm vi 6.  -Gv nhận xét và rút ra bài học.  **2.Hình thành kiến thức mới:**  Hoạt động 1:Hình thành kiến thức mới  - Cho HS thực hiện lần lượt các hoạt động sau:  - Tìm kết quả từng phép cộng trong phạm vi 6 (thể hiện trên các thẻ phép tính).  - *Sắp xếp* các thẻ phép cộng theo một quy tắc nhất định. Chẳng hạn: GV phối hợp thao tác cùng với HS, gắn từng thẻ phép tính lên bảng để tạo thành bảng cộng như SGK, đồng thời HS xếp các thẻ thành một bảng cộng trước mặt.  - GV giới thiệu *Bảng cộng trong phạm vi 6* và hướng dẫn HS đọc các phép tính trong bảng.  GV tổng kết: Có thể nói:  Dòng thứ nhất được coi là Bảng cộng: Một số cộng 1.  Dòng thứ hai được coi là Bảng cộng: Một số cộng 2.  Dòng thứ ba được coi là Bảng cộng: Một số cộng 3.  Dòng thứ tư được coi là Bảng cộng: Một số cộng 4.  Dòng thứ năm được coi là Bảng cộng: Một số cộng 5.  **3.Luyện tập:**  **Bài 1**  - Cho HS làm bài 1: Tìm kết quả các phép cộng nêu trong bài, rồi viết kết quả vào vở.  - GV có thể nêu ra một vài phép tính đơn giản dễ nhẩm để HS trả lời miệng nhằm củng cố kĩ năng tính nhẩm, hoặc HS tự nêu phép tính rồi đố nhau tìm kết quả phép tính. Chẳng hạn: 4 + 1; 1 + 4; 5 + 1; 1 + 5; ...  - Ở câu b), GV nên đặt câu hỏi để HS quan sát và nêu nhận xét các phép tính trong từng cột, chẳng hạn: Khi đổi chỗ hai số trong phép cộng thì kết quả phép cộng không thay đổi. HS lấy thêm ví dụ tương tự: 2 + 3 = 5; 3 + 2 = 5; ...  .  **4.Vận dụng:**  GV Y/ c HS nêu tình huống.  GV nhận xét tiết học | - HS chơi.  -HS thảo luận nhóm đôi.  - HS nhận xét về đặc điểm của các phép cộng trong từng dòng hoặc từng cột và ghi nhớ *Bảng cộng trong phạm vi 6.*  - HS đưa ra *phép cộng* và đố nhau tìm *kết quả* (làm theo nhóm bàn).  HS lắng nghe.  - HS thực hiện  - Đổi vở, đặt câu hỏi cho nhau đọc phép tính và nói kết quả tương ứng với mỗi phép tính.    -  - HS nêu một số tình huống trong thực tiễn |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**

*\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_*

*Thứ 4 ngày 23 tháng 10 năm 2024*

Tiết 1,2.

**Tiếng Việt**

**AM AP**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

1.Năng lực đặc thù:

+Năng lực ngôn ngữ:

- Nhận biết các vần **am, ap;** đánh vần, đọc đúng tiếng có các vần **am, ap** với mô hình “âm đầu + âm chính + âm cuối”, “âm đầu + âm chính + âm cuối + thanh”.

- Nhìn chữ dưới hình, tìm và đọc đúng tiếng có vần **am,** vần **ap.**

- Đọc đúng, hiếu nội dung bài Tập đọc *Bờ hồ*

- Viết đúng trên bảng con các vần: **am, ap,** các tiếng (quả) **cam,** (xe) **đạp.**

-Biết tìm tiếng ngoài bài có chứa vần am,ap.

+Năng lực văn học: HS hiểu nội dung bài tập đọc, biết được các nhân vật trong bài tập đọc. Có thể đặt câu chứa vần vừa học:

2. Phẩm chất:

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm. Giữ trật tự, biết lắng nghe, hoàn thành nhiệm vụ học tập.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ quan sát,tích cực hăng say phát biểu.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY – HỌC:**

- Tivi, máy tính, học liệu điện tử.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của HS |
| **TIẾT 1**  **1. Mở đầu:**  - Cho hs hát bài ABC.  - Nhận xét, tuyên dương.  - Giới thiệu bài: Các em đã học hết các chữ ghi âm tiếng Việt. Từ bài hôm nay, các em sẽ học các vần tiếng Việt. Hai vần đầu tiên các em sẽ học là vần am, vần ap.  **2.Hình thành kiến thức mới:**  2.1. Dạy vần am  a) Chia sẻ: GV chỉ từng chữ a, m (đã học).  1 HS đọc: a - mờ - am. Cả lớp: am.  b) Khám phá: GV giới thiệu hình ảnh quả cam, hỏi: Đây là quả gì?  Trong từ quả cam, tiếng nào có vần am? (Tiếng cam).  + GV giới thiệu mô hình vần am.  + GV giới thiệu mô hình tiếng cam..  \*Lồng ghép GDĐP: Giới thiệu các vườn cam ở quê hương em.  2.2. Dạy vần ap (tương tự cách dạy vần am)  - GV giới thiệu hình ảnh xe đạp, hỏi: Đây là cái gì? (Cái xe đạp).  - Trong từ xe đạp, tiếng nào có vần ap? (Tiếng đạp).  - So sánh: vần am giống vần ap: đều bắt đầu bằng âm a. vần am khác vần ap: vần am có âm cuối là m, vần ap có âm cuối là p.  \*Củng cố: Các em vừa học 2 vần mới là vần gì? (Vần am, vần ap).  Các em vừa học 2 tiếng mới là tiếng gì? (Tiếng cam, tiếng đạp). GV chỉ mô hình từng vần, tiếng..  **3. Luyện tập:**  *3.1. Mở rộng vốn từ : BT3: Tiếng nào có vần am? Tiếng nào có vần ap?*  a) Xác định YC: GV đưa lên bảng 6 hình minh hoạ; nêu YC của BT.  b) Đọc tên sự vật:  - GV chỉ từng từ theo số TT.  - Giải nghĩa từ: Tháp Rùa (tháp nằm giữa Hồ Gươm); quả trám (loại quả dùng làm thức ăn, rất bùi và ngon); sáp nẻ (sáp dùng để bôi lên da mặt, lên môi nhằm chống nứt nẻ).  c) Tìm tiếng có vần am, vần ap: Từng cặp HS làm bài trong VBT, tìm nhanh tiếng có vần am, vần ap. GV nhắc: 2 HS cùng làm việc sẽ cùng báo cáo kết quả.  d) Báo cáo kết quả  - Một cặp HS nói kết quả: HS 1 chỉ bảng, nói tiếng có vần am. HS 2 nói tiếng có vần ap.  - GV chỉ từng từ, cả lớp: Tiếng khám có vần am. Tiếng tháp (Rùa) có vần ap...  ***3.2*** *Tập đọc (BT 4)* a. GV gắn lên bảng hình minh hoạ bài *Bờ hồ*  -Giới thiệu: Đây Hồ Hoàn Kiếm. Truyện có bốn nhân vật là bố, mẹ,Giáp,Lam.  b. GV đọc mẫu.  c. Luyện đọc từ ngữ :mùa hè, ham múa ca, đạp đạp, giũ giũ lúa, thỏ thẻ, làm, thú vị, đáp, lũ nhỏ. (Có thể đánh vần nhẩm trước khi đọc trơn)  d. Luyện đọc câu  - GV: Bài có mấy câu? (GV chỉ từng câu, HS đếm: 5 câu).  - Đọc vỡ: GV chỉ từng câu cho.  - GV phát hiện và sửa lỗi phát âm cho HS;nhắc HS thi đua để lượt sau đọc tốt hơn lượt trước. Từ nào HS không đọc được thì có thể đánh vần hoặc cả lớp đánh vần giúp bạn.  e. Thi đọc tiếp nối 2 đoạn (2 câu / 3 câu) (theo cặp / tổ).  - Đọc cả bài.  h. Tìm hiểu bài đọc *(Thay hình ảnh bằng từ ngữ thích hợp...)*  - GV nêu YC; hỏi:  +Cả nhà đi đâu?  + Bố chỉ cho cả nhà cái gì?  - Yêu cầu HS nói hoàn chỉnh 2 câu văn  \* Cả lớp đọc lại 2 trang nội dung bài  *3.3. Tập viết (bảng con - BT 5).*  a) HS nhìn bảng lớp, đọc lại các vần, tiếng vừa học.  b) GV vừa viết mẫu vừa hướng dẫn  - Vần am: viết a trước, m sau; chú ý nối nét giữa a và m.  - Vần ap: viết a trước, p sau; chú ý nối nét giữa a và p.  - quả cam: viết tiếng quả trước, tiếng cam sau. Trong tiếng cam: viết c trước, am sau. (Có thể chỉ yêu cầu HS viết tiếng cam).  - xe đạp: viết xe trước (x nối sang e), đạp sau (viết đ gần vần ap, dấu nặng đặt dưới a).  c) HS viết trên bảng con: am, ap (2 lần). / Viết: (quả) cam, (xe) đạp.  - GV cùng HS nhận xét  **4. Vận dụng:**  - GV nhận xét tiết học; dặn HS về nhà đọc lại cho người thân nghe phần 1 của bài đọc kể về ve và gà; xem trước bài 37 (ăm, ăp). | - HS hát.  - Hs nhắc lại đề bài  - 1 HS đọc: Cả lớp:  - Hs trả lời  -Phân tích:  - Đánh vần và đọc trơn.  HS (cá nhân, tổ, cả lớp):  HS (cá nhân, tổ, cả lớp):  - HS nhận biết.  - Hs trả lời.  - Phân tích:  - Đánh vần và đọc trơn:.  - Hs so sánh: vần am và vần ap:  - Hs trả lời  - Cả lớp đánh vần, đọc trơn  - Hs thực hiện.  - Cả lớp đọc tên từng sự vật, hành động:  - Hs thực hiện,  -2 HS cùng làm việc sẽ cùng báo cáo kết quả.  - Hs thực hiện  - Lắng nghe.  -HSđọc (cá nhân, cả lớp):  - Hs luyện đọc  - HS đếm và trả lời  -1 HS đọc, cả lớp đọc.  - Đọc tiếp nối từng câu (cá nhân, từng cặp).  -HS thi đọc  -Tham gia bình chọn bạn đọc đúng, đọc hay  -Nhận xét  - Hs trả lời  -1 HS đọc.  - 1 HS nói hoàn chỉnh 2 câu văn. Cả lớp nhắc lại  -HS nói:  - Hs đọc bài  - HS đọc.  - Hs theo dõi, quan sát.  - Hs viết bảng con.  - Hs thực hiện. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**Phần Khởi động GV cho HS hát bài “ Quả”

*\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_*

*Thứ 5 ngày 24 tháng 10 năm 2024*

Tiết 1,2.

Tiếng Việt

**BÀI 29: ĂM ĂP**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

1. Năng lực đặc thù:

+ Năng lực ngôn ngữ:

- Nhận biết các vần am, ap đánh vần, đọc đúng tiếng có các vần **ăm, ăp** với mô hình “âm đầu + âm chính + âm cuối”, “âm đầu + âm chính + âm cuối + thanh”.

- Nhìn chữ dưới hình, tìm đúng đúng tiếng có vần **ăm,** vần **ăp.**

- Đọc đúng, hiểu bài Tập đọc **Chăm bà**

- Biết viết trên bảng con các vần **ăm, ăp** các tiếng Chăm chỉ, cặp da.

-Biết tìm tiếng ngoài bài có chứa vần ăm,ăp

+Năng lực văn học: HS hiểu nội dung, ý nghĩa của bài tập đọc, biết được các nhân vật trong bài tập đọc. Có thể đặt câu chứa vần vừa học:

2. Phẩm chất:

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm. Giữ trật tự, biết lắng nghe, hoàn thành nhiệm vụ học tập.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ quan sát,tích cực hăng say phát biểu.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

- GV: Tranh minh họa từ khóa, chữ mẫu, tivi, máy chiếu, học liệu điện tử.

- HS: Bộ ĐDHT, SGK, vở, bảng con, phấn.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

**Tiết 1**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của gv** | **Hoạt động của hs** |
| **1. Mở đầu:**  - Trò chơi: Truyền điện  **-**GV nhận xét và rút ra bài học.  **2.Hình thành kiến thức mới:**  **Hoạt động 1: Dạy vần mới**  **\* Vần ăm:**  - GV viết: **ăm**  - GV phát âm: **ăm**  - Quan sát tranh:  + Em bé đang làm gì?  + Em bé thế nào?  + Trong từ chăm chỉ tiếng nào chứa vần ăm?  + Phân tích tiếng chăm  + Giới thiệu mô hình vần ăm - Gv vẽ mô hình vần ăm.  - GV đánh vần: ă - m - am.  + Giới thiệu mô hình tiếng chăm - GV vẽ mô hình tiếng chăm  - GV đánh vần: ch - ăm - chăm  \* Chúng ta vừa học xong vần mới thứ nhất đó là vần ăm.  - GV gọi HS đọc lại.  **\*Vần ăp:**  - Gv viết ăp  - Gv phát âm: ăp  + Đây là cái gì?  + Trong từ cặp da tiếng nào chứa vần ăp?  + Phân tích tiếng cặp.  - GV giới thiệu mô hình vần ap - GV đánh vần: ă - p - ăp.  - GV giới thiệu mô hình tiếng đạp - GV đánh vần: c - ăp - căp - nặng cặp.  - Quan sát vần ăm và vần ăp có điểm gì giống nhau, có điểm gì khác nhau?  - Chúng ta vừa học hai vần mới nào?  - Chúng mình vừa học hai tiếng mới nào?  - Tìm tiếng ngoài bài có vần ăm và vần ăp?  - GV gọi 1 HS đọc lại toàn bài.  **3. Luyện tập:**  Bài 3: Tiếng nào có vần ăm? Tiếng nào có vần ăp?  - GV hướng dẫn HS đọc từ dưới 6 bức tranh.  - GV hướng dẫn HS làm vào vở BT.  **Bài 5: Luyện viết**  - GV hướng dẫn HS đọc nội dung bài viết.  - GV hướng dẫn viết từng vần từng chữ.  **Tiết 2**  **Bài 4: Luyện đọc**  - Gv giới thiệu bài tập đọc: **Chăm bà**  - GV đọc mẫu:  \* Luyện đọc từ ngữ: lắm, khắp, chữa cảm…  \* Luyện đọc câu:  - Bài này có mấy câu?  - GV chỉ từng câu cho HS đọc.  - Đọc nối tiếp từng câu:  \* Thi đọc:  - Thi đọc đoạn:  - Gv gọi 1 HS đọc cả bài.  \* Tìm hiều bài:  - Khi bà bị ốm cả nhà như thế nào?  -Mẹ thì làm gì?  - Đọc lại cả 2 trang  **4. Vận dụng:**  - GV đọc một số chữ chứa vần ăm, ăp HS viết vào bảng con | - HS chơi.  - HS đọc( cá nhân, dãy, cả lớp).  - HS trả lời  - HS đọc ( nhóm đôi, dãy, cả lớp).  - HS đọc ( cá nhân, nhóm 2, nhóm 4, dãy, cả lớp).  - HS đọc ( cá nhân theo hàng ngang, dãy, cả lớp).  - Quan sát tranh:  - Cá nhân trả lời.  - Phân tích tiếng cặp.  - HS đọc ( cặp đôi, dãy, cả lớp).  - HS đọc  - Giống nhau:  - Khác nhau:  - Cá nhân trả lời.  - HS đọc ( cá nhân, cả lớp).  - Nhóm đôi chia sẻ  - HS đọc ( cá nhân, dãy, cả lớp)  - HS luyện viết vào bảng con  - HS viết vào bảng con.  - HS đọc ( cá nhân, cả lớp)  - HS đếm và trả lời  - 1HS đọc, cả lớp cả lớp đọc.  - HS đọc nối tiếp câu đến hết bài. Em nào đọc đầu thì đọc cả mục bài.  - Từng cặp đọc nối tiếp.  - Mỗi dạy 2 bạn thi đọc. Mỗi bạn 1 đoạn.  - 3 nhóm thi đọc.  - Cá nhân trả lời.  HS nối ở VBT  - 3 tổ đọc đồng thanh.  - Nghe và thực hiện |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**

.....................................................................................................................................

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

Tiết 4.

CCKT

**ÔN LUYỆN ĐỌC VIẾT VẦN AM, AP, ĂM, ĂP**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

1. Năng lực đặc thù:

+ Năng lực ngôn ngữ:

- Đọc đúng bài Tập đọc Chăm bà.

- Tìm đúng các tiếng trong bài có vần am, ap, ăm, ăp.

- Tập chép đúng chính tả 1 câu văn (chữ cỡ vừa).

+Năng lực văn học:

-Hiểu nội dung của bài Tập đọc Chăm bà

2. Phẩm chất:

- Phẩm chất trách nhiệm. Giữ trật tự, biết lắng nghe, chú đọc bài theo lệnh của GV..

- Phẩm chất chăm chỉ: Qua bài đọc để em học hỏi ở bé chi về tính chăm chỉ.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

- Máy tính, tivi để chiếu hình ảnh của bài học lên màn hình.

- Vở ô li, bút chì, bảng con, phấn.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của HS |
| **1.Mở đầu:**  - Cho HS chơi đố bạn  - Em hãy kể tên những âm, vần đã học trong tuần.  - GV nhận xét, giới thiệu bài.  **2.Luyện tập:**  HĐ1: Luyện đọc  - Cho HS luyện đọcbài tập đọc: Chăm bà  - GV hướng dẫn thêm cho HS đọc  - Giúp đỡ những HS đọc còn yếu.  HĐ2: Luyện viết bảng con  - Cho HS luyện viết bảng con các chữ: am, ap, quả cam, xe đạp, chăm chỉ, cặp da, bắp ngô, tham gia, ….  - Hướng dẫn thêm cho HS yếu.  HĐ3**:** Luyện viết vở.  - Cho HS luyện viết vở tự học.  - GV đọc bài: Cô bé chăm chỉ cho HS viết  - GV chú ý HS tư thế ngồi viết, cách cầm bút.  -Hướng dẫn thêm cho HS còn lúng túng.  -Thu vở, nhận xét.  **3.Vận dụng:**  Cùng với người thân luyện viết các chữ đã học. | - Cả lớp chơi.  - HS kể.  - Cho HS đọc thầm bài tập đọc.  - Gọi HS đọc câu(mỗi em 2 câu) của bài tập đọc.  -HS nêu những chữ hoa có trong bài.  - HS luyện viết vào bảng con  (1 lần)  -HS nghe viết vào vở tự học |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**

……………………………………………………………………………………..

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

*Thứ 6 ngày 25 tháng 10 năm 2024*

Tiết 1.

Tiếng Việt

**TẬP VIẾT SAU BÀI 36, 37**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

1. Năng lực ngôn ngữ:

- Viết đúng am, ap, ăm, ăp, quả cam, xe đạp, chăm chỉ, cặp da – chữ thường, cỡ vừa, đúng kiểu, đều nét.

-Biết ngồi đúng tư thế, cầm bút đúng, viết chữ đẹp và trình bày sạch sẽ.

*2*. Phẩm chất:

- Phẩm chất trách nhiệm. Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc, hoàn thành bài tập được giao.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ quan sát, suy nghĩ trả lời, chú ý viết cẩn thận, trình bày sạch sẽ.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

- GV: Chữ mẫu. Tivi, máy tính, học liệu điện tử

- HS: Bảng con, phấn, vở tập viết.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của gv** | **Hoạt động của hs** |
| **1.Mở đầu:**  - Trò chơi: Tôi cần  - Luật chơi: GV nêu một số âm HS viết vào bảng con. VD: a, ă, m, p qu, đ, ch, c, d.  -GV nhận xét và giới thiệu bài học.  **2.Hình thành kiến thức mới:**  Hoạt động 1:Luyện đọc  - GV hướng dẫn HS đọc các chữ, tiếng, chữ số cần luyện viết :am, ap, ăm, ăp, quả cam, xe đạp, chăm chỉ, cặp da.  Hoạt động 2: Luyện viết  - GV hướng dẫn HS viết lần lượt các vần, chữ: am, quả cam, ap, xe đạp, ăm, chăm chỉ, ăp, cặp da.  **3.Luyện tập**  - GV yêu cầu HS viết vào vở Luyện viết  - Gv theo dõi hướng dẫn thêm.  **4. Vận dụng**:  - Về nhà các em viết các chữ đã học vào vở ô li cho người thân xem. | - HS chơi.  - HS đọc cá nhân, cả lớp  - HS viết lần lượt vào bảng con.  - HS viết vào vở luyện viết |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**

.....................................................................................................................................

**\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**

Tiết 3.

Kể Chuyện

**CHÚ THỎ THÔNG MINH**

I. **YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

1. Năng lực đặc thù:

+ Năng lực ngôn ngữ:

- Nghe hiểu và nhớ câu chuyện.

- Nhìn tranh nghe GV hỏi, trả lời được từng câu hỏi theo tranh.

- Nhìn tranh có thể kể từng đoạn câu chuyện.

+ Năng lực văn học:

- Hiểu ý nghĩa câu chuyện: Thỏ con thông minh đi lừa được cá sấu, tự cứu mình thoát khỏi miệng cá sấu.

*2*. Phẩm chất:

- Phẩm chất trách nhiệm. Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chú ý nghe và tích cực hăng say phát biểu.

- Phẩm chất nhân ái: Biết giúp đỡ người khác khi họ gặp hoạn nạn.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC :**

- Máy tính, tivi.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của HS |
| **1.Mở đầu:**  -Cho HS chơi trò chơi Con thỏ.  -Giới thiệu truyện  + GV gắn lên bảng 6 tranh minh hoạ cho HS nêu nhân vật trong truyện.  +GV giới thiệu câu chuyện.  **2.Hình thành kiến thức mới, luyện tập:**  *2.1. Nghe kể chuyện*:  -GV kể chuyện 3 lần với giọng diễn cảm.  *2.2. Trả lời câu hỏi theo tranh*  a) Mỗi HS trả lời câu hỏi theo 1 tranh  - GV chỉ tranh 1, hỏi: Thỏ con đến bờ sông làm gì? Nó thấy cá sấu khi nào?  - GV chỉ tranh 2: Vì sao thỏ nhìn thấy cá sấu mà vẫn đi xuống mép nước? Cá sấu bất ngờ làm gì?  - GV chỉ tranh 3: Trước khi nuốt mồi, cá sấu làm gì để dọa thỏ?  - GV chỉ tranh 4: Thỏ đã nghĩ ra mẹo gì để thoát thân?  - GV chỉ tranh 5: Nghe lời thỏ, cá sấu đã làm gì?  - GV chỉ tranh 6: Khi cá sấu kêu, thỏ con làm gì?  -GV nhận xét câu trả lời của HS.  b) Mỗi HS trả lời các câu hỏi theo 2 tranh.  c) 1 HS kể toàn bộ câu chuyện theo 6 tranh.  *2.3. Kể chuyện theo tranh*  a) Mỗi HS nhìn 2 tranh, tự kể chuyện.  b) HS kể chuyện theo tranh bất kì ( bốc thăm kể chuyện).  c) 1 HS kể toàn bộ câu chuyện theo 6 tranh.  -GV cất tranh cho một HS kể chuyện.  -GV theo dõi, khen ngợi HS kể chuyện.  *2.4. Tìm hiểu ý nghĩa câu chuyện*  -Vì sao thỏ thoát nạn?  -Câu chuyện giúp các em hiểu điều gì?  -GV nhận xét, kết luận: Câu chuyện khuyên các em: Khi gặp nguy hiểm hãy bình tĩnh, thông minh nghĩ cách cứu mình.  **3.Vận dụng:**  Về nhà kể cho người thân nghe chuyện về chú thỏ thông minh. | -Cả lớp chơi.  -HS thực hiện.  -Quan sát tranh nêu nhân vật.  -Theo dõi GV kể chuyện.  -HS lần lượt trả lời câu hỏi theo từng tranh (mỗi em một tranh)  -HS khác theo dõi, nhận xét, bổ sung.  -HS thực hiện.  -HS khác theo dõi, nhận xét.  -Một HS nhìn tranh kể lại toàn bộ câu chuyện.  -HS thực hiện.  -HS bốc thăm và kể chuyện.  -Một HS thực hiện.  -Một HS không nhìn tranh kể chuyện.  -Cả lớp theo dõi, nhận xét, khen ngợi bạn.  -HS trả lời.  -HS theo dõi.  - Cả lớp bình chọn HS kể chuyện hay, hiểu ý nghĩa câu chuyện. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**

…………………………………………………………………………………………..

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

Chiều:

Tiết 1: TIẾNG VIỆT

**ÔN TẬP**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

1. Năng lực đặc thù :

+ Năng lực ngôn ngữ:

- Đọc đúng bài Tập đọc Cô bé chăm chỉ.

- Tìm đúng các tiếng trong bài có vần am, ap, ăm, ăp.

- Tập chép đúng chính tả 1 câu văn (chữ cỡ vừa).

+ Năng lực văn học:

-Hiểu nội dung của bài Tập đọc Cô bé chăm chỉ.

2. Phẩm chất:

- Phẩm chất trách nhiệm. Giữ trật tự, biết lắng nghe, chú đọc bài theo lệnh của GV..

- Phẩm chất chăm chỉ: Qua bài đọc để em học hỏi ở bé chi về tính chăm chỉ.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC :**

- Vở bài tập Tiếng Việt 1, tập một

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của HS |
| **1.Mở đầu:**  - Cho HS chơi đố bạn  - Em hãy kể tên những âm, vần đã học trong tuần.  - GV nhận xét, giới thiệu bài.  **2. Luyện tập:**  *2.1. BT 1* (Tập đọc)  a) GV chỉ hình minh hoạ, giới thiệu bài *Cô bé chăm chỉ*.  b) GV đọc mẫu.  c) Luyện đọc từ ngữ: *chăm chỉ, khắp nhà, ê a, đi xe đạp, khám, thú vị lắm*.  d) Luyện đọc câu  - GV: Bài có 6 câu.  -GV chỉ từng câu.  - Đọc tiếp nối từng câu.  e) Thi đọc nối tiếp 2 đoạn (mỗi đoạn 3 câu); thi đọc cả bài.  g) Tìm hiểu bài đọc:  -Bé Chi chăm chỉ thế nào?  -GV chốt câu trả lời đúng.  *2.2. BT 2* (Tìm trong bài đọc 1 tiếng có vần am, vần ap, vần ăm, vần ăp)  - GV nêu YC  -GV chỉ cho cả lớp nói kết quả.  *2.3. BT 3* (Tập chép)  - Cho HS đọc trên bảng câu văn cần tập chép.  -GV theo dõi HS viết bài.  - GV chữa bài cho HS, nhận xét chung.  **3.Vận dụng:**  -Đọc bài cho người thân nghe  -Luyện viết vào vở tự học hôm sau báo cáo cô giáo. | -Cả lớp hát và vận động cơ thể.  -Hai HS đọc bài  -HS theo dõi.  -Theo dõi GV đọc bài.  -Cá nhân, lớp đọc bài  -HS đọc vỡ.  - Cá nhân / từng cặp đọc.  -Cặp, tổ thực hiện  -HS trả lời.  -HS gạch chân tiếng có vần cần tìm trong VBT.  - HS tiếp nối nhau báo cáo kết quả.  -Cả lớp nói kết quả.  - HS đọc trên bảng câu văn cần tập chép.  - Cả lớp đọc thầm câu văn; chú ý những từ các em dễ viết sai.  - HS nhìn mẫu, viết vào vở.  - HS viết xong, soát lại bài; đổi bài để sửa lỗi cho nhau. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**

…………………………………………………………………………………………

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

Tiết 2.

Toán

**PHÉP CỘNG TRONG PHẠM VI 6 ( TIẾT 4)**

**I.YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

1. Kiến thức, kĩ năng:

- Tìm được kết quả các phép cộng trong phạm vi 6 và thành lập Bảng cộng trong phạm vi 6.

2. Năng lực:

- Năng lực mô hình hóa toán học. Học sinh quan sát hình vẽ để viết phép tính cộng trong phạm vi 6 .

-Năng lực sử dụng công cụ, phương tiện học toán: Hoc sinh sử dụng que tinh,các chấm tròn, các thẻ số, các thẻ dấu (+, =), để viết phép tính và tính kết qua của phép cộng.

-Năng lực giao tiếp toán học:Học sinh đặt câu hỏi cho nhau và nói cho nhau về tình huống trong bức tranh và phép tính tương ứng trong thực tiễn.

-Năng lực giải quyết vấn đề: Viết được phép tính cộng trong phạm vi 6 đúng  và tính được kết quả qua các tình huống  thực tiễn.

3. Phẩm chất:

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm. Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

-Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ quan sát, suy nghĩ trả lời, rèn tính cẩn thận, kiên nhẫn cho HS

**II.ĐỒ DÙNG DẠY – HỌC :**

- Các que tính, các chấm tròn, các thẻ số, các thẻ dấu (+, =), thanh gài phép tính.

- Một số tình huống đơn giản dẫn tới phép cộng (với nghĩa gộp).

**III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của HS |
| **1.Mở đầu:**  - Cho HS chơi trò chơi: “Đố bạn” đọc bảng cộng 6.  - GV nhận xét, giới thiệu bài.  **2.Luyện tập:**  Bài 2.Nêu phép tính còn thiếu.  -GV cho HS tự làm bài.  -Nêu kết quả trước lớp.  -GV chốt kết quả đúng và cho HS đọc lại bảng cộng 6.  Bài 3.Tính ( theo mẫu)  -GV hướng dẫn HS cách làm các bài có số 0 trong phép cộng.  - GV cho HS trong lớp lấy thêm ví dụ phép cộng với số 0.  GV: một số cộng với 0 có kết quả bằng chính số đó.  Bài 4: Nêu phép tính thích hợp với mỗi tranh vẽ.  -Theo dõi HS làm bài.  -Cho HS chia sẻ kết quả trước lớp.  -GV nhận xét.  **3.Hoạt động vận dụng:**  - HS nghĩ ra một số tình huống trong thực tế liên quan đến phép cộng trong phạm vi 6. | -HS chơi trò chơi đọc bảng cộng 6.  -HS tự làm bài 2, nêu phép tính thích hợp cho từng ô còn thiếu.  -HS trao đổi với bạn và giải thích lí do lựa chọn phép tính thích hợp.  -Chia sẻ trước lớp.  -HS đọc bảng cộng 6  -HS quan sát phân tích mầu rồi vận dụng để tìm kết quả các phép tính cho trong bài.  -Chia sẻ kq trước lớp.  -HS lấy VD  -Cá nhân HS quan sát tranh, suy nghĩ và tập kể cho bạn nghe tình huống trong tranh rồi đọc phép tính tương ứng.  -Chia sẻ trước lớp.  -HS nêu và đố bạn. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**

Bài tập 4 Gv cho HS thảo luận nhóm đôi.

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

Tiết 3.

HĐTN

**SINH HOẠT LỚP: CHIA SẺ VIỆC THỰC HIỆN NỀ NẾP SINH HOẠT**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT :**

1.Năng lực đặc thù:

+ Năng lực hiểu biết về bản thân và môi trường sống:

- Bước đầu biết tự đánh giá bản thân trong việc thực hiện nề nếp sinh hoạt.

- Bước đầu tự giác thực hiện nề nếp sinh hoạt .

- HS nhận thấy được những ưu điểm và nhược điểm trong tuần vừa qua, duy trì những việc tốt đã đạt được và có biện pháp khắc phục những tồn tại của cá nhân và tập thể.

- Nắm được những việc làm của tuần tới của mình và của lớp.

2. Phẩm chất:

- Phẩm chất trách nhiệm. Thực hiện tốt nội quy của lớp và của trường đề ra.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chú lắng nghe, luôn giữ nền nếp học tập và sinh hoạt tốt.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

- Bài hát, Trò chơi

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của HS |
| **1.Mở đầu:**  GV cho HS hát Vào học rồi.  GV nhận xét và giới thiệu bài.  **2.Hình thành kiến thức mới:**  HĐ1: Chia sẻ về nề nếp sinh hoạt  - GV cho lớp chia sẻ theo nhóm nhỏ với nội dung:  + Hãy nêu những việc em đã thực hiện được nền nếp trong sinh hoạt hằng ngày ở trường, ở lớp?  + Hãy nêu những việc em đã thực hiện được nền nếp trong sinh hoạt hằng ngày ở nhà  - GV đánh giá chung kết quả thực hiện nề nếp sinh hoạt của HS  - GV nhắc nhở HS thường xuyên thực hiện tốt nề nếp sinh hoạt ở nhà và ở trường HĐ2. Sơ kết tuần 07:  - GV nhận xét chung về tình hình của lớp trong tuần .  + Về học tập: Nhắc nhở những HS tiếp tục thực hiện tốt các bài tập về nhà mà GV giao cho. Khen ngợi những HS có sự tiến bộ trong học tập. Khen ngợi những HS viết chữ đẹp, sách vở sạch sẽ.  + Về chuyên cần: Nhắc nhở HS còn đi học muộn  + Về nề nếp, trật tự: Nhắc HS không xả rác, không vẽ bậy lên tường, lên bàn.  HĐ3. Kế hoạch tuần 08:  -GV nêu những công việc của tuần tới:  -GV giải thích nhiệm vụ , phân công cụ thể từng cá nhân, từng tổ, ban cán sự lớp…..để giao trách nhiệm và nhắc nhở các em cố gắng hoàn nhiệm vụ được giao, đúng thời gian.  - Nhắc nhở HS giữ gìn sách, vở sạch đẹp và rèn chữ viết ở nhà, đem sách vở dụng cụ học tập đầy đủ.  - Tăng cường giáo dục HS đi học đúng giờ và mặc đồng phục đúng quy định.  - Giáo dục HS về ý thức học tập và vệ sinh trường, lớp sạch sẽ. Nhắc học sinh trực nhật đúng giờ. Vệ sinh thân thể.  **3.Vận dụng:** Về nhà thực hiện nề nếp học tập tốt. | -HS hát vui  -Học sinh tự đánh giá việc thực hiện nề nếp sinh hoạt  - Mỗi nhóm cử đại diện lên nói việc thực hiện nền nếp sinh hoạt.  -HS nhận xét các mặt như: chuyên cần, học tập, tác phong đạo đức, thể dục, vệ sinh, truy bài, các việc khác…..  -HS trong lớp bổ sung để thống nhất các ý kiến chung.  -Cả lớp lắng nghe  -HS lắng nghe và rút kinh nghiệm nếu có tồn tại.  -HS chú ý nghe GV nói.  -HS bổ sung hoặc đề xuất ý kiến  -HS nêu công việc chính  -HS lắng nghe.  -HS nêu thắc mắc nếu có |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**

……………………………………………………………………………………